

Tính đến ngày 1 tháng 5 năm 2018, cả thế giới đã có 673 FTA được các nước thành viên thông báo lên WTO, trong đó có 459 FTA đang có hiệu lực¹.

Sau khi gia nhập ASEAN vào năm 1995 và tham gia Hiệp định Thương mại Tự do của ASEAN (AFTA), Việt Nam đã tiếp tục đàm phán, ký kết và thực hiện nhiều FTA đa phương, khu vực và song phương. Cho đến nay, Việt Nam đã hoàn thành đàm phán 13 FTA và đang đàm phán 03 FTA khác (xem bảng tóm tắt). Theo định hướng được nêu tại Chiến lược tham gia FTA của Chính phủ, Việt Nam đã hoàn thành đàm phán để có được quan hệ FTA với tất cả các thị trường lớn và thuộc nhóm các nước đi đầu trong khu vực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu được phê duyệt và đưa vào thực thi đầy đủ, Việt Nam sẽ là một trong số rất ít nước trong khu vực có được quan hệ FTA cùng lúc với các nền kinh tế lớn như Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Nga và nhiều đối tác khác. (Bảng 1)

1. Lộ trình cam kết nông sản trong CPTPP

CPTPP, tức TPP-11, được coi là Hiệp định thương mại tự do lớn thứ ba thế giới hiện nay, với tổng dân số 500 triệu người, tổng GDP vượt trên 10.000 tỉ USD, chiếm khoảng 13,5% GDP toàn cầu và khoảng 14% tổng thương mại thế giới.

Kế thừa tinh thần TPP, CPTPP là Hiệp định có những tiêu chuẩn cao, tham vọng, toàn diện và cân bằng với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ tạo ra và duy trì việc làm; tăng cường đổi mới, năng suất, và sức cạnh tranh; nâng cao mức sống; giảm đói nghèo ở các nước ký kết; đồng thời thúc

CPTPP - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TS. Nguyễn Minh Phong *

ThS. Nguyễn Trần Minh Trí **

đẩy quản lý hiệu quả, minh bạch, bảo vệ người lao động, bảo vệ môi trường. CPTPP là kết quả sự nỗ lực vượt qua chính mình của 11 thành viên TPP, khẳng định xu hướng tiếp tục của tự do hóa thương mại đầu tư quốc tế sau khi Mỹ tuyên bố rút lui khỏi TPP và gia tăng các động thái bảo hộ, gây nhiều quan ngại và sự phản đối trên thế giới và ngay trong lòng nước Mỹ. CPTPP gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự cấp thiết và quyết tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, tạo thuận lợi cho phát triển thương mại và tăng cường hợp tác kinh tế giữa các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. CPTPP khi có hiệu lực sẽ thúc đẩy xu hướng hợp tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; đem lại lợi ích cho tất cả các nước tham gia, thúc đẩy mở cửa thương mại và hội nhập cho toàn khu vực.

TPP là Hiệp định có những tiêu chuẩn cao, tham vọng, toàn diện và cân bằng. Mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ tạo ra và duy trì việc làm; tăng cường

đổi mới, năng suất, và sức cạnh tranh; nâng cao mức sống; giảm đói nghèo, thúc đẩy quản lý hiệu quả, minh bạch, bảo vệ người lao động, và bảo vệ môi trường. CPTPP được kỳ vọng sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, cân bằng lợi ích, có chất lượng cao và là khuôn mẫu cho các Hiệp định thế kỷ 21.

Theo Bộ Tài chính, cam kết về thuế nhập khẩu nông sản của các nước dành cho Việt Nam có những điểm nổi bật sau:

Nhìn chung: Các nước cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu dành cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực khoảng từ 78-95% số dòng thuế và sẽ xóa bỏ hoàn toàn từ 97-100% dòng thuế. Các mặt hàng còn lại sẽ có lộ trình xóa bỏ thuế trong vòng 5-10 năm, trừ một số mặt hàng nhạy cảm có lộ trình trên 10 năm hoặc áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 - 5 năm như nông sản, thủy sản, một số mặt

Bảng 1: Các FTA của Việt Nam

KHUÔN KHỔ	HIỆU LỰC
I- Các FTA đã ký kết	
1. ASEAN	1999
2. ASEAN - Trung Quốc	2005
3. ASEAN - Hàn Quốc	2007
4. ASEAN - Ôt-xtrây-li-a và Niu Di-lân	2009
5. ASEAN - Ấn Độ	2010
6. ASEAN - Nhật Bản	2008
7. Việt Nam - Nhật Bản	2009
8. Việt Nam - Chí Lê	2014
9. Việt Nam - Hàn Quốc	2016
10. Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á-Âu	2016
II- Các FTA đã ký kết, đang chờ phê chuẩn hoặc chờ ký	
11. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) ²	Phê chuẩn trong tháng 11/2018
12. Việt Nam - EU ³ (EVFTA)	
13. ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc) ⁴	
III- Các FTA đang đàm phán	
14. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)	
15. Việt Nam - Khối EFTA (4 nước: Thụy sĩ, Na-uy, Ai-xơ-len và Lích-ten-stai)	
16. Việt Nam - Israel	

* Phó Vụ trưởng, Phó ban tuyên truyền lý luận, Báo Nhân Dân

** Viện KT&CTTG-Viện HLKHXHVN

hàng dệt may, giày dép, đồ gỗ, hàng điện, điện tử, cao su...

Cam kết của Ca-na-đa: Xóa bỏ ngay 94,9% số dòng thuế, tương đương 77,9% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam (0,88 tỷ USD) ngay khi Hiệp định có hiệu lực và xóa 96,3% số dòng thuế, tương đương với 93,4% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam vào năm thứ 4. Duy trì hạn ngạch thuế đối với 96 dòng thuế của 3 nhóm mặt hàng: (i) thịt gà; (ii) trứng và (iii) bơ sữa và sản phẩm bơ sữa. Nông sản, điện, điện tử của Việt Nam được xóa bỏ phần lớn thuế quan ngay thời điểm bắt đầu triển khai cam kết. Mặt hàng đồ nội thất, cao su sẽ được xóa bỏ hoàn toàn ngay từ khi Hiệp định có hiệu lực hoặc vào năm thứ 5.

Cam kết của Nhật Bản: Xóa bỏ ngay thuế nhập khẩu đối với 86% số dòng thuế (chiếm 93,6% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam; xóa bỏ đối với khoảng 95,6% số dòng thuế năm thứ 11; Không cam kết mặt hàng gạo; Áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm một phần hoặc cam kết kèm theo các biện pháp phòng vệ thương mại đối với thịt trâu bò, thịt lợn, sữa, sản phẩm sữa, lúa mì, lúa gạo và các chế phẩm của chúng. Đa số mặt hàng thủy sản có thể mạnh của Việt Nam được hưởng thuế suất 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực như các mặt hàng cá ngừ vây vàng, cá ngừ sọc dưa, cá kiếm, một số loài cá tuyết, surimi, tôm, cua ghe... Toàn bộ các dòng hàng thủy sản không cam kết xóa bỏ thuế trong FTA Việt Nam - Nhật Bản sẽ được xóa bỏ vào năm thứ

6, năm thứ 11 hoặc năm thứ 16 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Mặt hàng rau quả, cam kết mức thuế 0% vào năm thứ 3 hoặc năm thứ 5 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Mặt hàng mật ong: Xóa bỏ thuế vào năm thứ 8. Những mặt hàng còn lại sẽ xóa bỏ thuế vào năm thứ 10.

Nhật Bản cũng cam kết xóa bỏ thuế ngay khi hiệp định có hiệu lực cho 78% kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Cam kết của Mê-xi-cô: 77,2% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế ngay (chiếm 36,5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Mê-xi-cô); 98% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 10; không cam kết xóa bỏ thuế đường; áp dụng hạn ngạch thuế đối với sữa kem và sản phẩm; dầu cọ. Thủy sản: Cá tra, basa, xóa bỏ thuế vào năm thứ 3 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực; Tôm đông lạnh xóa bỏ vào năm thứ 13; Tôm chế biến xóa bỏ vào năm thứ 12. Cá ngừ chế biến xóa bỏ thuế vào năm thứ 16, trong đó giữ nguyên mức thuế cơ sở trong 5 năm đầu tiên rồi giảm dần về 0%. Thóc, gạo lứt và gạo tấm xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực; các mặt hàng gạo xay xát sẽ giảm về 0% vào năm thứ 10. Cà phê: Xóa bỏ thuế cà phê hạt Robusta vào năm thứ 16, cà phê hạt Arabica và cà phê chế biến giảm mức thuế suất 50% so với mức thuế hiện hành vào năm thứ 5 và năm thứ 10 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Gạo: Xóa bỏ thuế vào năm thứ 11.

Cam kết của Pê-ru: 80,7% số dòng thuế xóa ngay khi Hiệp định

có hiệu lực, tương đương 62,1% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam (15,6 triệu USD); 99,4% tổng số dòng thuế sẽ được xóa vào năm thứ 17; duy trì thuế theo biên động giá đối với 47 dòng thuế gồm sữa, ngô, gạo, đường. Riêng điều, chè, tiêu, rau quả, một số loại cà phê đều được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Cam kết của Úc: 93% số dòng thuế, tương đương 95,8% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Úc (2,9 tỷ USD) sẽ được xóa ngay. Còn lại sẽ được xóa bỏ tối đa vào năm thứ 4.

Cam kết của Niu-di-lân: 94,6% số dòng thuế cho Việt Nam xóa ngay, tương đương 69% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này (101 triệu USD). Các dòng thuế còn lại sẽ dần được xóa bỏ hoàn toàn vào năm thứ 7.

Cam kết của Xinh-ga-po: Xóa bỏ hoàn toàn thuế quan đối với tất cả các mặt hàng ngay lập tức.

Cam kết của Ma-lai-xi-a: 84,7% số dòng thuế xóa bỏ ngay; 99,9% dòng thuế sẽ xóa vào năm thứ 11; áp dụng hạn ngạch thuế đối với 15 dòng thuế trứng gia cầm, thị gà, thịt lợn và thịt bò.

Cam kết của Chi-lê: 95,1% dòng thuế xóa ngay (khoảng 60,2% xuất khẩu của Việt Nam sang Chi-lê (76 triệu USD). 99,9% dòng thuế, (100% kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam) xóa vào năm thứ 8; nông sản, thủy sản có thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam đều được xóa bỏ thuế ngay

Cam kết của Bru-nây: 92% số dòng thuế đối (tương đương 7.639



CHÚNG TÔI XIN TRÂN QUÝ TRI ÂN QUÝ KHÁCH HÀNG & QUÝ ĐỐI TÁC VÌ NHỮNG THÀNH TỰU TUYỆT VỜI MÃ CÙNG VỚI QUÝ VỊ VIETCOMBANK ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Sự tin tưởng của Quý Khách hàng chính là thành quả có ý nghĩa nhất với chúng tôi!

Thông tin chi tiết vui lòng truy cập website www.vietcombank.com.vn Hoặc liên hệ Trung tâm HTKH: 1900 54 54 13

dòng) xóa ngay; 99,9% được xóa vào năm thứ 7; Xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu vào năm thứ 11.

Cam kết về thuế nhập khẩu của Việt Nam dành cho các nước: 65,8% số dòng thuế xóa ngay khi Hiệp định có hiệu lực; 86,5% số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 4; 97,8% số dòng thuế xóa vào năm thứ 11; Còn lại sẽ xóa bỏ chậm nhất vào năm thứ 16 hoặc theo hạn ngạch thuế quan, trong đó: Rượu, bia: xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 3 đối với rượu sake, các mặt hàng còn lại xóa bỏ thuế vào năm thứ 11, một số loại vào năm thứ 12. Thịt gà: xóa bỏ thuế nhập khẩu sau vào năm thứ 11/12. Thịt lợn: xóa bỏ thuế nhập khẩu vào năm thứ 10 đối với thịt lợn tươi vào năm thứ 8 năm đối với thịt lợn đông lạnh. Gạo: xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Ngô: xóa bỏ sau vào năm thứ 5 và năm thứ 6. Sữa và sản phẩm sữa: xóa bỏ ngay và một số loại xóa bỏ vào năm thứ 3. Thực phẩm chế biến từ thịt: xóa bỏ vào năm thứ 8 - 11, chế biến từ thủy sản xóa bỏ vào năm thứ 5. Mặt hàng đường, trứng, muối: xóa bỏ thuế trong hạn ngạch của WTO vào năm thứ 6 đối với mặt hàng trứng và vào năm thứ 11 đối với mặt hàng đường, muối. Thuế ngoài hạn ngạch giữ như mức MFN. Lá thuốc lá: xóa bỏ thuế trong hạn ngạch vào năm thứ 11 đối với lượng hạn ngạch 500 tấn, mỗi năm tăng thêm 5% trong vòng 20 năm. Thuế suất ngoài hạn ngạch duy trì ở mức MFN đến năm thứ 20, đến năm 21 thuế nhập khẩu về 0%. Thuốc lá điều: xóa bỏ thuế vào năm thứ 16. Phân bón: xóa bỏ ngay thuế khi Hiệp định có hiệu lực.

Thịt lợn, hiện đang có mức thuế 10 - 15%, sẽ được VN đưa về mức 0% theo lộ trình 10 - 13 năm với các loại thịt mảnh tươi, ướp lạnh. Thịt lợn chế biến phải đưa thuế về 0% sau 8 - 11 năm, tùy mặt hàng. **Thịt gà** nguyên con, tươi, ướp lạnh và phụ phẩm, hiện đang



Nông nghiệp Việt Nam từng bước chuyển dần quy mô kinh tế nông hộ sang kinh tế hợp tác và liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân sản xuất theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

được Việt Nam áp thuế 10 - 25%, sẽ phải xóa bỏ thuế theo lộ trình 12 năm tới. Thịt gà chế biến xóa bỏ thuế sau 8 - 11 năm. Riêng mặt **hàng đường**, Việt Nam sẽ được dành hạn ngạch 1.500 tấn/năm.

Ngoài ra, Việt Nam và các nước cùng cam kết: Xóa bỏ trợ cấp cho hoạt động đánh bắt gây ra tác động xấu tới nguồn lợi hải sản đã bị đánh bắt quá mức; Cam kết minh bạch hóa mọi chính sách và dữ liệu có liên quan đến các chương trình trợ cấp đánh bắt. Cam kết thực hiện các biện pháp quốc gia cảng biển và quốc gia tàu treo cờ cũng như các kế hoạch hành động chống đánh bắt bất hợp pháp của các tổ chức nghề cá khu vực và quốc tế và hành vi thương mại các sản phẩm đó.

Các nước có thời gian 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực với từng Bên để hài hòa hóa mọi chính sách liên quan. Riêng Việt Nam sẽ được gia hạn thêm 2 năm nếu có cơ sở thể hiện sự cần thiết phải có thêm thời gian chuyển tiếp.

Thực thi đầy đủ các cam kết tại Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES). Tăng cường hợp tác chống buôn bán động,

thực vật hoang dã bị khai thác trái phép. Triển khai các chương trình bảo vệ và bảo tồn thiên nhiên. Ngăn chặn hành vi khai thác trái phép hoặc thương mại động thực vật bị khai thác trái phép, chứ không chỉ dừng trong phạm vi của các loài nguy cấp. Các quốc gia thành viên có toàn quyền trong việc xác định mức độ đáng tin cậy của các bằng chứng; toàn quyền trong việc xác định biện pháp phù hợp để ngăn chặn các hành vi khai thác trái phép và hành vi buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép đó, trên cơ sở pháp luật trong nước.

2. Tham gia CPTPP, Việt Nam có những lợi ích và thách thức nổi bật, như:

- *Về chính trị - đối ngoại*, CPTPP đem lại các lợi ích và lợi thế về thúc đẩy xu hướng hợp tác trong khu vực và thế giới.

- *Về kinh tế*, CPTPP giúp Việt Nam tăng từ hơn 1% đến hơn 3% GDP vào năm 2030; góp phần vào việc thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường lớn như Nhật Bản, Australia, Canada, Mexico cũng như thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành, lĩnh vực

mà Việt Nam đang có nhu cầu phát triển.

- *Về thể chế:* Thúc đẩy cải cách thể chế trong nước, tạo môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Đây mới là các lợi ích mang tính lâu dài và đã được minh chứng trong thời gian Việt Nam tham gia đàm phán TPP.

Nhìn chung, CPTPP giúp đảm bảo khuôn khổ pháp lý kiểm soát và điều chỉnh các hành vi phản cạnh tranh diễn ra trên lãnh thổ các thành viên Hiệp định, gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư trong khối. Các cam kết này sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý về cạnh tranh tại Việt Nam, từ đó thu hút, thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh doanh tại Việt Nam khi môi trường kinh doanh được đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và không phân biệt đối xử. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam cũng được đảm bảo khi tham gia cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên thị trường các thành viên khác.

Ngoài ra, CPTPP giúp cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hình thành và thấm nhuần văn hóa cạnh tranh, nâng cao nhận thức về cạnh tranh lành mạnh và có ý thức tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, tạo điều kiện nâng cao trình độ và năng lực của cơ quan thực thi pháp luật cạnh tranh của Việt Nam thông qua các cơ chế về hợp tác, trao đổi thông tin, tham vấn về những vấn đề liên quan đến cạnh tranh giữa các nước thành viên trong quá trình thực thi cam kết.

Tuy nhiên, đặt ra thách thức đối

mặt với nhiều vụ việc cạnh tranh có tính chất phức tạp, hành vi phản cạnh tranh đa dạng và tinh vi trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng trong thời gian tới. Do đó, Việt Nam cần nâng cao khả năng thực thi, hài hòa pháp luật cạnh tranh của mình phù hợp với CPTPP

Hơn nữa, CPTPP là sự hợp tác chặt chẽ giữa cho các nước đa dạng về trình độ phát triển nên có dành thời gian chuyển tiếp đặc biệt và có cơ chế cho phép một số Bên thêm thời gian.

Với thương mại hàng hóa, gần như 100% biểu thuế sẽ được đưa về 0% theo lộ trình. Với các nước phát triển thì lộ trình ngắn hơn (khoảng 7 năm), còn các nước đang phát triển thì lộ trình dài hơn, phù hợp với điều kiện phát triển. Cơ bản các nước sẽ giảm thuế cho Việt Nam về 0% tất cả các mặt hàng. Hiện nay, mức thuế trung bình Việt Nam đang chịu khi xuất khẩu sang các nước CPTPP khoảng 1,7% và sẽ về khoảng 0,2%. Như vậy, dù Mỹ không tham gia, nhưng với thị trường CPTPP thì lợi ích đối với Việt Nam tương đối rõ rệt.

Nhiều lĩnh vực khác có cơ hội cho Việt Nam như dịch vụ, đầu tư, mua sắm công hàng hóa và dịch vụ của các nước (Công ty FPT gần đây đã đấu thầu thành công cung cấp dịch vụ phần mềm tại Nhật).

Theo WB, lợi ích trực tiếp của tham gia CPTPP đến tăng trưởng có thể giúp Việt Nam tăng 1% GDP, nhưng gián tiếp có thể giúp tăng 3,6 % GDP. Lợi ích từ phi thuế quan, tức tham gia CPTPP thì có sự tin tưởng nhau hơn, dẫn đến rào cản phi thuế quan giữa các nước giảm đi nhiều. Ví dụ,

thời gian trung bình để một nước công nhận một mặt hàng (như quả thanh long) tuân thủ quy định an toàn thực phẩm vào nước họ đối với nước có FTA giảm được 3 lần so với nước không có FTA.

CPTPP cũng sẽ giúp ích cho nhiều ngành trong nước, trong đó có ngành da giày vì trong 10 nước tham gia CPTPP, chỉ có 3 nước chưa có FTA là Mexico, Canada, Australia.

CPTPP còn là động lực để các nhà đầu tư nước ngoài khởi động lại các dự án đầu tư vào một số ngành hỗ trợ cho dệt may, sản xuất sợi, vải cho da giày mà đang có phần giảm hơn trước do Mỹ rút khỏi TPP.

Một nghiên cứu do WB phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, so sánh giữa TPP-12 và CPTPP về những tác động tới tăng trưởng GDP, hoạt động xuất nhập khẩu, các lĩnh vực kinh tế ngành và xã hội: TPP-12 với sự tham dự của Hoa Kỳ, Việt Nam sẽ là một nước được hưởng lợi nhiều nhất, về thu hút đầu tư, hiệu quả trong tăng trưởng của xuất nhập khẩu và chỉ số GDP năm 2030 sẽ tăng thêm là 3,3%. Với CPTPP, không có Hoa Kỳ, lợi ích tăng GDP năm 2030 là 1,1% (giả định nếu chưa có những thay đổi về năng suất lao động...).

Ngoài ra, Hiệp định CPTPP có tính mở, khi có nước khác tham gia Hiệp định thì lợi ích với Việt Nam cũng sẽ tăng lên. Là nước tham gia từ đầu thì Việt Nam sẽ có lợi thế hơn trong việc bảo vệ các lợi ích của mình. Lợi ích với Việt Nam cũng sẽ tăng lên khi CPTPP mở rộng thành viên. Là thành viên sáng lập, Việt Nam sẽ có lợi thế hơn trong việc bảo vệ

Vietcombank



Chương trình kích hoạt thẻ ghi nợ quốc tế Vietcombank 2019

Chỉ tiêu thẻ ngay - Nhận quà hấp dẫn

Hoàn 100.000 VNĐ vào khoản thanh toán khi chi tiêu trong 03 tháng đầu kể từ tháng phát hành với doanh số tối thiểu 1.000.000 VNĐ (*).



(*): Thỏa mãn điều kiện của chương trình. Chi tiết liên hệ 1900.54.54.13 hoặc www.vietcombank.com.vn hoặc Chi nhánh VCB gần nhất trên toàn quốc.

các lợi ích của mình. Các tác động sâu của CPTPP đến nền kinh tế sẽ tùy thuộc vào sự chuẩn bị và khả năng khai thác tính hai mặt trong quá trình triển khai Hiệp định này của Việt Nam. *Cơ cấu kinh tế* sẽ có sự chuyển dịch sâu sắc hơn theo hướng phát triển công nghiệp phụ trợ và tham gia chuỗi cung ứng quốc tế, trước hết, với các nước thành viên tham gia FTA với Việt Nam. Các ngành du lịch, nông nghiệp, thủy, hải sản sẽ tiếp tục tăng trưởng thuận lợi. *Các nhóm hàng chủ lực xuất khẩu* của Việt Nam sẽ đa dạng hơn, nhóm ngành dệt may, giày dép và gạo có khả năng cạnh tranh nhờ giảm hàng rào thuế quan và mua được nguyên liệu giá rẻ, giúp giảm chi phí sản xuất. Các doanh nghiệp cũng có thêm cơ hội tham gia đầu thầu mua sắm công. *Quá trình tái cơ cấu các DNNN* và các ngân hàng thương mại sẽ đẩy mạnh hơn. *Các hoạt động M&A* cũng được thúc đẩy cả bề rộng và bề sâu, nhất là trong lĩnh vực bất động sản; sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng; ngân hàng và cả dệt may, chế tạo cơ khí... *Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài* tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế, nhất là xuất khẩu.

Việt Nam cũng đứng trước nhiều áp lực đáp ứng *các chuẩn mực nền kinh tế thị trường*, trong đó có yêu cầu về chuyển đổi đồng tiền, các quyền thỏa thuận mức lương lao động, bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, quyền kiểm soát nhà nước đối với các tư liệu sản xuất và sự phân bổ các nguồn lực...

Những ngành còn khó khăn sẽ liên quan nhiều đến kinh doanh bất động sản cao cấp; cơ khí chế tạo, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ cấu sản phẩm và trình độ công nghệ lạc hậu; các doanh nghiệp nhà nước trì trệ, chậm đổi mới mô hình tổ chức và trang thiết bị, công nghệ và cả năng lực quản trị.

Ngành chăn nuôi (nhất là lợn,

gà, kê cả gà thịt và gà đẻ trứng) trong nước sẽ tiếp tục đối diện với áp lực cạnh tranh giảm giá từ sản phẩm ngoại nhập và sự gia tăng các chi phí đầu vào, cũng như sự nâng cao các hàng rào kỹ thuật, nếu không có những đổi mới về công nghệ và mô hình chăn nuôi mới, hiện đại và những hỗ trợ cần thiết phù hợp cam kết hội nhập. Để tập hợp, tổ chức lại hỗ trợ những doanh nghiệp lớn tham gia tổ chức lại sản xuất trong ngành chăn nuôi phải hình thành các tập đoàn lớn phát triển một chuỗi hoàn chỉnh, từ khâu con giống, thức ăn chăn nuôi và phân phối. Còn lại sẽ thành lập các trang trại chăn nuôi vệ tinh theo hình thức gia công hoặc hợp đồng. Ngoài ra, các công ty thuộc các khâu khác nhau cũng có thể tham gia liên kết với nhau để cùng chia sẻ lợi nhuận. Đích đến của các chuỗi này chính là các thương hiệu thịt heo, gà, bò... có chất lượng cao, được kiểm soát và truy xuất nguồn gốc. Sản phẩm đưa ra thị trường có nhãn mác rõ ràng.

Bên cạnh đó, hàng nông sản của các nước có điều kiện thâm nhập vào Việt Nam, làm cho nông sản trong nước bị cạnh tranh, ép giá, mất thị phần, làm giảm thu nhập của nông dân và doanh nghiệp. Ngoại trừ mặt hàng hồ tiêu, hạt điều, các mặt hàng khác như thịt gà, thịt lợn, ... khả năng cạnh tranh của ta còn thấp. Ngành chăn nuôi Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất do quy mô nhỏ lẻ, giá thành cao, chưa đạt yêu cầu an toàn thực phẩm...

3. Một số giải pháp thích ứng cần có cho nông nghiệp Việt

Thứ nhất, cần có các biện pháp phù hợp để hiện đại hóa và tham gia vào các chuỗi giá trị nông nghiệp trong CPTPP nhằm tận dụng tối đa những cam kết do các hiệp định này mang lại.

Việt Nam có khoảng 10,3 triệu hecta đất canh tác, giá trị xuất khẩu nông sản lớn; nhiều nông sản

có vị trí cao tham gia chuỗi nông sản toàn cầu. Giá trị xuất khẩu nông sản Việt Nam hàng năm trên dưới 40 tỷ USD, chiếm 20% kim ngạch xuất khẩu. Thực tiễn chiến lược phát triển kinh tế quốc gia vẫn cho thấy lấy nông nghiệp là đòn bẩy vẫn đúng với nước ta trong mọi thời điểm và giai đoạn vì rõ ràng với nông nghiệp Việt Nam so với một số ngành hàng khác vẫn có nhiều lợi thế cạnh tranh hơn khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu... Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư lĩnh vực khác nay cũng chuyển sang đầu tư nông nghiệp như: Tập đoàn Vincom, Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn thép Hòa Phát, PFT, Tập đoàn Trường Hải...; hiện nay, có 40 doanh nghiệp trên toàn quốc được công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, đây là những nhân tố mới có vai trò tích cực, góp phần làm thay đổi tổ chức sản xuất, sẵn sàng chủ động tham gia chuỗi nông sản toàn cầu.

Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp. Theo số liệu thống kê đến quý II/2018, cả nước có khoảng hơn 49.600 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chiếm 8% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước; trong đó có 55% doanh nghiệp có nguồn lực tài chính nhỏ hơn 5 tỷ đồng; vì vậy, chưa trở thành đầu tàu cho nền sản xuất hàng hóa, chưa tạo chuỗi giá trị hiệu quả, chưa tạo tính đồng nhất của nông sản khi có đơn đặt hàng sản lượng lớn trong một thời gian nhất định, và chưa chú trọng thành lập doanh nghiệp tại nước ngoài để phát triển hệ thống bán hàng của mình.

Nhìn một cách tổng thể, nông nghiệp Việt Nam đang rất nhỏ lẻ, manh mún, lạc hậu về trình độ canh tác, năng suất thấp... Vì vậy, cần thúc đẩy đổi mới sản xuất, từng bước chuyển dần quy mô kinh tế nông hộ sang kinh tế hợp tác (tổ hợp tác, hợp tác xã); thực hiện liên kết sản xuất đa chiều; có cơ chế

hình thành các hợp tác xã nông nghiệp đa ngành, đa quản trị (mô hình doanh nghiệp chuyên doanh trong hợp tác xã) và liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân sản xuất theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Khẩn trương trong việc đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp để đáp ứng yêu cầu hội nhập, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh 4.0. Cần tiến hành các hình thức đào tạo phong phú, song song với đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; cần phong phú hình thức đào tạo, cùng với đào tạo chính quy từ cao đẳng, đại học cần có giải pháp đào tạo đồng bộ nguồn nhân lực với các thành phần tham gia trực tiếp nâng cao tính cạnh tranh nông sản Việt Nam như: cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp và nông dân để họ nắm vững các thành tựu khoa học công nghệ trong và ngoài nước, kiến thức thị trường và luật pháp quốc tế; làm thay đổi nhận thức người nông dân sản xuất nông sản trong thời kỳ hội nhập để họ chủ động điều chỉnh phương thức sản xuất đảm bảo các yêu cầu hội nhập quốc tế để cạnh tranh các nông sản của các nước thành viên. Chúng ta cần sản lượng cao, nhưng không phải là sản lượng nói chung, mà là sản lượng nông sản hàng hóa có chất lượng cao, do đó việc đẩy mạnh liên kết chuỗi sản xuất để khai thác ngưỡng đội trần năng suất cây trồng, vật nuôi, đột phá khâu chế biến nông sản và phát triển thị trường một cách khoa học và sáng tạo sẽ có tác dụng thúc đẩy cung ứng sản phẩm nông nghiệp Việt

Nam ngày càng có vị thế trong chuỗi nông nghiệp toàn cầu.

Hơn nữa, cần sớm có giải pháp quyết liệt hơn để tháo gỡ nút thắt nguồn vốn tín dụng cho doanh nghiệp và nông dân; bởi vì nếu chính sách tín dụng không thông thoáng, thủ tục rườm rà, mất nhiều thời gian và thủ tục cho doanh nghiệp và nông dân khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư sản xuất quy mô lớn với trình độ khoa học công nghệ cao hơn, yêu cầu rào cản kỹ thuật khắt khe hơn là một trong những nguyên nhân làm ngành nông nghiệp mất cơ hội, làm giảm sức cạnh tranh nông sản Việt Nam trước yêu cầu hội nhập quốc tế nói chung, CPTPP và EVFTA nói riêng. Thực hiện xã hội hóa trong nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu giống vật nuôi, cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của thị trường, đồng thời tiếp tục thu hút đầu tư để các doanh nghiệp tổ chức sản xuất và liên kết với nông dân để chuyển giao kỹ thuật và sản xuất trên quy mô lớn trên một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế so với quốc tế và khu vực. Nông nghiệp Việt Nam phải giữ thế chủ động có sẵn một sản lượng hàng hóa quy mô đủ lớn, có tính cạnh tranh cao nhằm chi phối thị trường CPTPP và EVFTA theo phân khúc thị trường nào thuận lợi thì xâm nhập khai thác toàn diện.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần vươn lên để đáp ứng tốt hơn các yêu cầu nghiêm ngặt của các nước nhập khẩu trong CPTPP về các biện pháp kỹ thuật hay kiểm dịch,

cũng như các biện pháp quản lý nhập khẩu khác. Nếu không thỏa mãn các yêu cầu SPS (Sanitary and Phytosanitary Measures - biện pháp an toàn thực phẩm kiểm dịch động, thực vật), TBT (Technical Barriers to Trade - biện pháp hàng rào kỹ thuật) thì sẽ không thâm nhập được vào các thị trường CPTPP. Do vậy, các doanh nghiệp cần tập trung tìm hiểu các quy định về TBT, SPS và biện pháp quản lý nhập khẩu của các nước mà doanh nghiệp muốn xuất khẩu vào để tránh các rủi ro bị từ chối nhập khẩu. Các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công thương sẽ cung cấp thông tin cụ thể và hỗ trợ các doanh nghiệp tìm hiểu những quy định này, qua đó, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ở thị trường quốc tế, tận dụng tốt các FTA thế hệ mới.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, cải thiện chất lượng, mẫu mã, nâng cao tính an toàn cho sản phẩm. Việc áp dụng này giúp các sản phẩm nông sản của ta nâng cao sức cạnh tranh so với nông sản của các nước khác như Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, qua đó, có thể thâm nhập tốt vào thị trường quốc tế.

Nhà nước cần nâng cao chất lượng quy hoạch, làm tốt công tác dự báo thị trường nông sản thế giới; cần có cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư chiến



**CHÚNG TÔI XIN TRÂN QUÝ TRI ÂN QUÝ KHÁCH HÀNG & QUÝ ĐỐI TÁC
VÌ NHỮNG THÀNH TỰU TUYỆT VỜI MÃ CÙNG VỚI QUÝ VỊ VIETCOMBANK ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC**












Sự tin tưởng của Quý Khách hàng chính là thành quả có ý nghĩa nhất với chúng tôi!

Thông tin chi tiết vui lòng truy cập website www.vietcombank.com.vn Hoặc liên hệ Trung tâm HTKH: 1900 54 54 13

lược trong việc tạo quỹ đất sạch tập trung; hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng; hỗ trợ việc hình thành các liên minh sản xuất quy mô lớn; làm tốt công tác tuyên truyền thuyết phục có hiệu quả làm thay đổi tư duy mới đối với bà con nông dân trong nông nghiệp với những nội dung đột phá cơ bản sau đây:

- Đẩy mạnh việc áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong toàn bộ quá trình sản xuất, đặc biệt là các khâu chăm sóc và thu hoạch nhằm giảm giá thành sản xuất. Tập trung chỉ đạo toàn quốc tùy theo điều kiện thực tiễn về điều kiện sinh thái, lực lượng sản xuất, lợi thế cây trồng vật nuôi, sự sẵn sàng và năng động của doanh nghiệp và nông dân của từng địa phương cần chỉ đạo sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh 4.0, coi đây là cuộc cách mạng vừa trước mắt và lâu dài đối với ngành nông nghiệp Việt Nam trước yêu cầu hội nhập quốc tế, nếu chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh 4.0 của Việt Nam triển khai chậm bao nhiêu thì sự cạnh tranh nông sản Việt Nam mất lợi thế trước yêu cầu hội nhập quốc tế bấy nhiêu. Từng bước đột phá phát triển, tạo cuộc cách mạng nông nghiệp Việt Nam theo hướng toàn diện, bền vững, hiện đại và đa chức năng.

- Các Bộ, ngành Trung ương và địa phương cần chỉ đạo sản xuất quyết liệt áp dụng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; sản xuất có chứng nhận chất lượng sản phẩm như: GlobalGAP, VietGAP, VietGAHP, HCCP, ISO, Organic, GMP, UTZ, Rainforest... để đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, đáp ứng rào cản kỹ thuật (TBT) nhằm đảm bảo yêu cầu thị trường các nước thành viên, xem đây là vấn đề cốt lõi là điểm mấu chốt cho ngành nông nghiệp Việt Nam cất cánh hội nhập, bởi vì thị trường nông sản

toàn cầu không thể chấp nhận nông nghiệp Việt Nam sản xuất khối lượng nông sản lớn mà chất lượng nông sản không cao, mức độ an toàn thực phẩm vượt ngưỡng cho phép được xem đây là nội dung sống còn, không chỉ là yếu tố cạnh tranh thị trường quốc tế, mà còn ngay thị trường trong nước.

- Ưu tiên đầu tư đúng mức cho công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ để khai thác nguồn đội trình năng suất cây trồng, vật nuôi. Tổ chức quản lý chặt chẽ quy hoạch để có sản lượng nông sản đủ lớn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật các nước thành viên hiệp định thương mại tự do. Cần có quyết sách mạnh mẽ hơn trong hoạt động nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp, hạn chế tối đa việc nghiên cứu các đề tài trùng lặp, nhỏ lẻ, tính ứng dụng thực tiễn thấp. Thực hiện huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học; luôn khuyến khích, tôn vinh và ghi nhận các tổ chức và cá nhân không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước nghiên cứu khoa học mà tạo ra các sản phẩm khoa học, công nghệ có tính mới, mang lại giá trị làm lợi cho cộng đồng dân cư cao của một địa phương hay của quốc gia như mô hình các nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Israel, Australia, Bỉ, Pháp...). Có giải pháp đẩy mạnh thị trường khoa học công nghệ để khoa học công nghệ đóng góp ngày càng cao các yếu tố năng suất tổng hợp.

Cần có chính sách hành lang pháp lý cụ thể hơn để các nhà khoa học có sản phẩm khoa học được bảo hộ sở hữu trí tuệ tham gia cổ phần cùng doanh nghiệp, cùng chia sẻ lợi nhuận do giá trị công nghệ mang lại, chú trọng bảo vệ quyền lợi hợp pháp quyền sở hữu trí tuệ. Thực hiện quy mô lớn áp dụng hình thức kinh phí ngân sách mua bản quyền của các tổ chức và cá nhân, các nhà khoa học

phục vụ sản xuất kịp thời, có như vậy mới khai thác tối đa sức sáng tạo nguồn lực khoa học công nghệ trong quần chúng nhân dân, để thật sự là cuộc cách mạng khoa học công nghệ là then chốt phục vụ sản xuất trước yêu cầu hội nhập, nhằm nắm bắt cơ hội tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu với tốc độ cao.

Cần khẩn trương có giải pháp cách mạng hơn trong việc thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nếu chúng ta tổ chức triển khai đồng bộ, khai thác lợi thế so sánh cây trồng, vật nuôi; trong chỉ đạo cần chú ý tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đồng thời tổ chức liên kết vùng một cách khoa học sẽ góp phần quan trọng cho đột phá nông nghiệp Việt Nam. Triển khai đồng bộ và quyết liệt Nghị định 57/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm khai thác tiềm năng lợi thế của nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng phục vụ công dân và doanh nghiệp với yêu cầu nhanh và chính xác, đáp ứng dịch vụ hành chính công đảm bảo sự hài lòng của khách hàng. Xây dựng và đẩy mạnh các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn. Nâng cao tỷ trọng ngành dịch vụ trong nông nghiệp, đặc biệt là dịch vụ khoa học trong nông nghiệp hiện nay còn yếu kém chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Tiếp tục xây dựng các cơ chế chính sách nhằm tiếp tục đổi mới phát triển hợp tác xã, tổ

hợp tác, hỗ trợ kinh tế tập thể về đào tạo cán bộ quản lý, trợ giúp kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại... Khuyến khích phát triển các mối liên kết tự nguyện, các liên minh trong tổ chức sản xuất, dịch vụ đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa nông hộ với doanh nghiệp, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng (trong đó, doanh nghiệp là trung tâm). Từng địa phương ban hành các chính sách đặc thù phù hợp để thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn một cách hiệu quả và cách mạng hơn.

Có cơ chế đột phá và cách mạng về thể chế, chính sách, hình thành một bộ phận doanh nghiệp nông nghiệp mới đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế theo hướng từ thấp đến cao: nông dân có tư duy thị trường phát triển thành doanh nghiệp tư nhân (công ty TNHH), khi quy mô lớn tiếp tục phát triển trở thành công ty cổ phần trong nông nghiệp nhằm tạo phương thức sản xuất quy mô tập trung. Song song với đầu tư đổi mới công nghệ, cần đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao có kỹ năng quản trị giỏi, có chuyên môn sâu, am hiểu thông lệ quốc tế và có khả năng phân tích, dự báo thị trường quốc tế; tác phong làm việc năng động trong sản xuất kinh doanh, chủ động nắm chắc thành công khi tham gia thị trường các nước thành viên CPTPP và EVFTA.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong nước kết nối với các doanh nghiệp trong khu vực; cung cấp thông tin và dự báo thị trường; giảm thiểu thủ tục hành chính trong việc cấp giấy phép đầu tư, giấy phép kinh doanh, kể cả trong các lĩnh vực kinh doanh có điều kiện; đồng hành với doanh nghiệp một cách sát sao để giải quyết những vướng mắc, khó khăn của các doanh nghiệp một cách nhanh chóng, hiệu quả, hỗ trợ doanh nghiệp tận

dụng tốt hơn cơ hội từ thị trường bên ngoài và ứng phó với các hàng rào kỹ thuật khi thuế quan được hạ thấp theo các cam kết trong các FTA, ví dụ như hỗ trợ đấu tranh trong các vụ kiện chống bán phá giá hay giúp vượt qua các hàng rào kỹ thuật.

Ngoài ra, cơ quan quản lý và doanh nghiệp cần đồng hành để tăng cường hơn nữa các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư tại các thị trường mà ta đã triển khai thực thi FTA. Công tác xúc tiến cần mang tính tập trung, tránh dàn trải, chú trọng vào các lĩnh vực, ngành hàng ta có thế mạnh xuất khẩu hoặc có tiềm năng xuất khẩu sang những thị trường này. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ kỹ năng đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán ngoại thương, marketing, truy xuất thông tin về mặt hàng (giá, kim ngạch, điều kiện giao hàng), quản lý chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế cũng cần được các Bộ, ngành liên quan phối hợp, hỗ trợ đào tạo cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, ngoài việc tuân thủ những quy định truyền thống như hải quan, quy tắc xuất xứ, TBT, SPS, các doanh nghiệp cần phải thực thi đầy đủ và tránh vi phạm những nghĩa vụ mới trong các FTA thế hệ mới như lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ, v.v... Những hành vi như không tuân thủ các yêu cầu về sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, đánh bắt nguồn lợi thủy sản quá mức, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ có thể dẫn tới việc doanh nghiệp bị một số nước ngừng cho hưởng ưu đãi thuế quan.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của các hiệp định này theo phương thức đơn giản, dễ hiểu để doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tự vận dụng được các quy định phức tạp này một cách chủ động, hiệu quả,

chắc chắn. Việc mọi doanh nghiệp có thể hiểu rõ, hiểu đúng và vận dụng tốt các quy định phức tạp trong các hiệp định như CPTPP, EVFTA như lộ trình xóa bỏ thuế quan, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, cộng gộp, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), SPS, v.v... sẽ giúp nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, hạ chi phí sản xuất, xuất khẩu và đặc biệt là giúp doanh nghiệp của ta có nhiều lợi thế khi cạnh tranh với các doanh nghiệp của các nước chưa tham gia vào CPTPP hoặc chưa có FTA với EU.

Mở rộng hợp tác quốc tế, thông qua đó, tiếp cận nhiều dự án ODA hỗ trợ các địa phương về nâng cao năng lực, phát triển hạ tầng nông thôn, hỗ trợ khoa học công nghệ, hỗ trợ thị trường, giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu... góp phần cho nông nghiệp nước nhà cải thiện nhiều mặt, năng suất và chất lượng nông sản tăng cao, tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản ngày càng tăng, góp phần tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua, cần tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế toàn diện hơn để thu hút các nguồn vốn ODA và FDI nhằm thu hút các dự án trọng tâm để nâng cao năng lực quản lý, tiếp cận công nghệ mới, đầu tư trang thiết bị, tham gia trực tiếp sản xuất kinh doanh để góp phần tạo bước đột phá ngành nông nghiệp Việt Nam trong tương lai, chủ động hội nhập quốc tế, chủ động thực thi có hiệu quả các FTA thế hệ mới, nâng cao sức cạnh tranh tham gia chuỗi nông sản toàn cầu; tạo đà để Việt Nam trở thành cường quốc nông nghiệp vào năm 2025 - 2030. ■

¹ Nguồn WTO.

² Hiện đang trong quá trình phê chuẩn.

³ Đang hoàn tất các thủ tục trong nước để chuẩn bị ký kết và phê chuẩn.

⁴ Đã ký kết, đang làm thủ tục phê chuẩn.